



Bài báo nghiên cứu

MÔ TẢ VÀ XÂY DỰNG CẤU TRÚC NĂNG LỰC VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO ĐỊNH HƯỚNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN 2018

Nguyễn Ngọc Minh Trâm

Trường THCS-THPT Đinh Thiện Lý, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Ngọc Minh Trâm – Email: mintrallhp1417@gmail.com

Ngày nhận bài: 09-3-2021; ngày nhận bài sửa: 07-4-2021; ngày duyệt đăng: 28-4-2021

TÓM TẮT

Chương trình môn Ngữ văn 2018 (CTNV 2018) xác định năng lực (NL) viết là một trong những NL đặc thù và văn bản nghị luận (VBNL) là loại văn bản được yêu cầu thực hành từ bậc THCS đến bậc THPT. Nhằm đảm bảo tính khoa học về đường phát triển NL viết VBNL cũng như đáp ứng các mục tiêu giáo dục ở bậc THPT, bài viết này đề xuất cấu trúc NL viết VBNL của học sinh (HS) THPT theo định hướng CTNV 2018. Dựa trên quan điểm tiếp cận cấu trúc NL theo NL bộ phận và định hướng dạy viết VBNL cấp THPT từ CTNV 2018, bài viết đưa ra cấu trúc NL viết VBNL và kiến giải cấu trúc ấy thành các hợp phần, thành tố và chỉ số hành vi thể hiện NL viết VBNL.

Từ khóa: văn bản nghị luận; học sinh trung học phổ thông; năng lực viết; cấu trúc năng lực viết

1. Đặt vấn đề

Trên tinh thần dạy học phát triển NL (competence-based education), CTNV 2018 xác định mục tiêu hình thành và phát triển NL ngôn ngữ và NL văn học thông qua các hoạt động rèn kỹ năng như đọc, viết, nghe và nói. Trong đó, hoạt động rèn kỹ năng viết được quy định dạy học theo hướng thực hành viết theo quy trình và thực hành viết theo đặc trưng kiểu văn bản. Bên cạnh đó, hoạt động rèn kỹ năng viết được CTNV 2018 quy định tỉ lệ thời lượng giảng dạy đứng thứ hai sau hoạt động rèn kỹ năng đọc (khoảng 25%) ở nhóm HS từ lớp 10 đến lớp 12. Điều này thể hiện việc phát triển NL viết cho HS THPT cần được chú trọng và thực hiện bài bản, đáp ứng định hướng dạy học của CT.

Theo CTNV 2018, đối với mục tiêu dạy viết cấp THPT, HS được rèn luyện và phát triển tiếp tục khả năng viết ở các kiểu văn bản với những yêu cầu chuyên sâu. Trong các

Cite this article as: Nguyen Ngoc Minh Tram (2021). Description and structure of writing competence for argumentative essays for high school students in line with Vietnamese Language Arts and Literature curriculum 2018. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(8), 1457-1469.

kiểu văn bản được thực hành, VBNL là văn bản xuất hiện xuyên suốt quá trình học của HS từ bậc THCS đến bậc THPT. Sự thay đổi từ mục tiêu “viết được” sang mục tiêu “viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận” thể hiện sự chuyên môn hóa trong quá trình dạy học phát triển NL viết riêng với VBNL.

Trong bối cảnh trên, để phát triển tiếp tục khả năng viết VBNL cho HS THPT, cần phải xác định được cấu trúc cụ thể của NL viết VBNL. Khi đó, người dạy có thể căn cứ vào các thành tố trong cấu trúc NL viết VBNL để tác động, phát triển NL viết VBNL cho HS THPT. Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất cấu trúc NL viết VBNL, lấy đó làm nền tảng lí luận cho các hoạt động dạy học và đánh giá NL viết VBNL ở bậc THPT.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Năng lực, năng lực viết và năng lực viết văn bản nghị luận

Theo quan niệm của một số tác giả trong và ngoài nước, khái niệm *năng lực* đến nay chưa có sự thống nhất cụ thể. Những quan điểm của tổ chức OECD, CT GDPT New Zealand hay Chương trình giáo dục phổ thông (CT GDPT) bang Québec của Canada (2004) cho rằng *năng lực* là khả năng đáp ứng mục tiêu nào đó hiệu quả; quan điểm của CT GDPT tổng thể (2018) Việt Nam lại nêu định nghĩa năng lực “là thuộc tính cá nhân, được hình thành nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện [...]” (Ministry of Education and Training, 2018, p.37). Chúng tôi cho rằng *năng lực* không thể tồn tại mà không có chủ thể. Cách định nghĩa của CT giáo dục phổ thông các nước Canada, New Zealand và OECD mặc dù đã biểu lộ đúng được bản chất của *năng lực* nhưng chưa thể hiện được sự liên quan đến người học trong khi cách định nghĩa của CT GDPT tổng thể (2018) xem *năng lực* là thuộc tính cá nhân đã thể hiện rõ mối liên quan giữa năng lực và chủ thể. Năng lực không chỉ là khả năng thực hiện mà khái quát hơn, nó còn là một thuộc tính cá nhân gắn với con người. Từ quan điểm trên, chúng tôi cho rằng: “Năng lực là thuộc tính cá nhân, là sự tổng hòa từ nhiều nguồn lực như tri thức, kĩ năng, thái độ, niềm tin... Từ khả năng thực hiện hành động, thông qua niềm tin, tri thức, thời gian rèn luyện, khả năng ấy trở nên thành thực và thể hiện hiệu quả trong một bối cảnh phức tạp”.

Trong CTNV 2018, các NL đặc thù được định nghĩa. Ngoài NL đọc hiểu văn bản, NL viết (NL tạo lập văn bản) đóng vai trò quan trọng. NL tạo lập nói chung hay NL viết nói riêng đều được khẳng định là khả năng viết thông qua các bước trong một quy trình viết. Hội đồng Giáo dục bang New South Wales, Úc (1987) cho rằng “tạo lập văn bản là khả năng sử dụng những tiến trình như viết nháp, chỉnh sửa, thảo luận, biên tập, hiệu đính và xuất bản” (Board of Studies New South Wales, 2007) hay hội đồng Giáo dục liên bang Hoa Kỳ (2010) định nghĩa: “NL tạo lập văn bản là NL lập kế hoạch, chỉnh sửa, biên tập và công bố/xuất bản” (Council of Chief State School Officers and the National Governors Association, 2010). Hai định nghĩa này nhấn mạnh tầm quan trọng của quá trình hoạt động viết diễn ra nhưng chưa bàn luận về chất lượng sản phẩm sau khi tạo lập. Trong khi đó,

chất lượng sản phẩm bài viết có ảnh hưởng sâu sắc đến sự tiếp nhận của người đọc, quyết định sự thành công của người viết trong việc thể hiện được mục đích của mình. NL viết cần phải được xem xét và chú trọng về quy trình viết và sản phẩm sau khi viết. Đó là “khả năng tạo ra một văn bản ở dạng viết hoàn chỉnh về nội dung, thể hiện ý tưởng cá nhân dưới dạng ngôn ngữ một cách mạch lạc; từ đó thông qua quy trình viết, cá nhân ấy đưa ra một văn bản đáp ứng kiểu loại văn bản và mục đích giao tiếp”.

Đối với văn bản nghị luận, đây là văn bản được nhiều CT đưa vào giảng dạy ở các quốc gia trên thế giới. Theo ACARA (Australian Curriculum Assessment and Reporting Authority): “Văn bản nghị luận (persuasive text) là loại văn bản có mục đích chính là *trình bày một quan điểm và thuyết phục người đọc, người xem và người nghe*” (Nguyen, 2017). Việt Nam, trong CTNV 2018, văn bản nghị luận được xếp cùng với hai văn bản: văn bản văn học và văn bản thông tin. Theo đó, CTNV 2018 định nghĩa: “Văn bản nghị luận là văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề nào đó” (Ministry of Education and Training, 2018, p.88). Trước đây, sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn 7 (2008) đã đưa ra khái niệm: “Văn nghị luận là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó. Muốn thế, văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục” (Ministry of Education and Training, 2008, p.9). Nhìn chung, văn bản nghị luận được CT của Úc, SGK Ngữ văn 7 (đại diện cho CT Ngữ văn 2006) và CT Ngữ văn 2018 định nghĩa dựa trên mục đích giao tiếp của văn bản. Văn bản nghị luận là văn bản được tạo lập với mục đích bày tỏ quan điểm nhằm thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề nào đó. Đó là loại văn bản mà người viết phải sử dụng luận điểm, lí lẽ, bằng chứng liên quan nhằm đưa ra quan điểm của mình về một vấn đề trong đời sống xã hội hoặc văn chương.

Từ khái niệm về năng lực và năng lực viết, chúng tôi kết hợp với cách định nghĩa về văn bản nghị luận của hai CTNV 2006 và CTNV 2018 nhằm hoàn thiện khái niệm năng lực viết văn bản nghị luận. Theo đó, “Năng lực viết văn bản nghị luận (NL viết VBNL) là khả năng tạo ra một văn bản nghị luận hoàn chỉnh về nội dung và hình thức; văn bản nghị luận được tạo lập thông qua quy trình viết đáp ứng được đặc trưng kiểu loại và mục đích thuyết phục khi giao tiếp”.

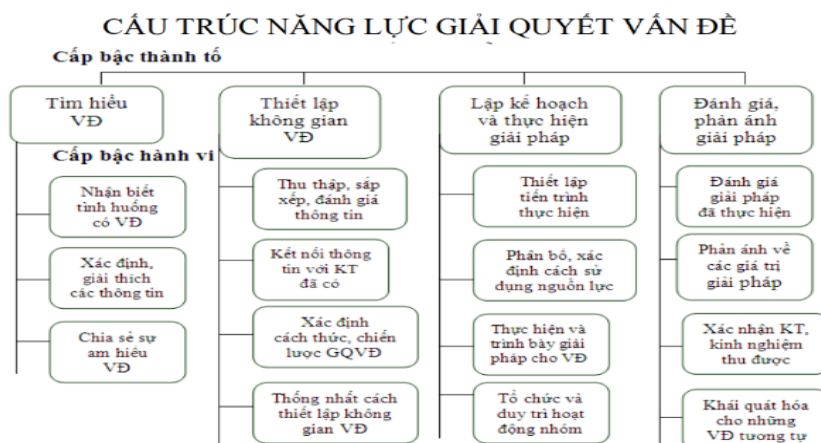
2.2. Cơ sở đề xuất cấu trúc năng lực viết văn bản nghị luận

2.2.1. Quan điểm tiếp cận

Khi nghiên cứu về cấu trúc của NL, một số nhà nghiên cứu giáo dục Việt Nam đã đưa ra hai quan điểm: Tiếp cận cấu trúc NL theo nguồn lực hợp thành và tiếp cận cấu trúc NL theo NL bộ phận.

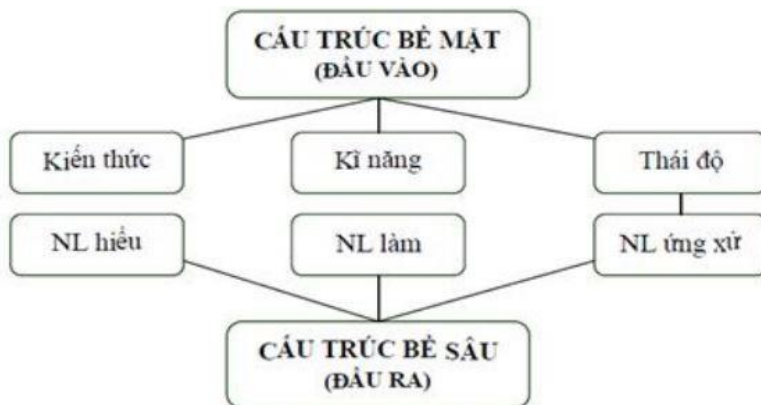
Đối với cách **tiếp cận cấu trúc NL theo nguồn hợp thành** (Hình 1), Hoàng Hòa Bình (2015) trình bày cấu trúc NL được phân giải qua cấu trúc bề mặt (đầu vào) và cấu trúc bề sâu (đầu ra). Trong sơ đồ phác họa về cấu trúc của NL, tác giả minh họa cấu trúc bề

mặt với ba nguồn lực: tri thức, kỹ năng và thái độ. Qua quá trình luyện tập, các nguồn lực sẽ hình thành NL, gồm: NL hiểu, NL làm và NL ứng xử. Những NL này chính là kết quả đầu ra, thể hiện cấu trúc bề sâu. Cách phân tích cấu trúc NL của Hoàng Hòa Bình mang tính chất “chuyển hóa” thay vì phân chia thứ bậc hay đồng đẳng.



Hình 1. Tiếp cận cấu trúc NL theo nguồn hợp thành

Đối với cách **tiếp cận cấu trúc NL theo NL bộ phận** (Hình 2), Nguyễn Lan Phương (2015) đi theo hướng phân tích bề sâu của NL. Cụ thể, tác giả phân xuất NL thành những thành phần như: các hợp phần của NL, thành tố của NL, các chỉ số hành vi (Hoang, 2015, p.28). Cách tiếp cận này giúp cho việc phân giải cấu trúc NL chi tiết và rõ ràng, có thể thấy rõ được mối quan hệ, sự chuyển hóa giữa các hợp phần của NL đến thành tố của NL. Từ đó, được phân tích cụ thể thành các chỉ số hành vi liên quan.



Hình 2. Tiếp cận cấu trúc NL theo NL bộ phận

Năm 2018, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (CTGDPTTT) được công bố, đưa ra yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. Trong đó, CTGDPTTT nêu rõ năng lực cốt lõi của HS cần được hình thành và phát triển trong nhà trường gồm có ba NL chung và bảy NL đặc thù. Mặc dù không nêu rõ cấu trúc của NL nhưng trong định nghĩa về NL của CTGDPTT, thì: “NL là **thuộc tính cá nhân**, được hình thành và phát triển nhờ tố chất sẵn

có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loại hành động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.” (Ministry of Education and Training, 2018, p.37), chúng tôi nhận thấy CT 2018 thể hiện NL gồm có những thành tố như kiến thức, kỹ năng, các thuộc tính cá nhân khác. “Các thuộc tính cá nhân khác” của CT 2018 được mở rộng và nêu rõ hơn so với quan điểm tiếp cận cấu trúc NL theo nguồn hợp thành của Hoàng Hòa Bình.

Nhìn tổng thể, hai cách tiếp cận cấu trúc NL có thể bổ sung cho nhau và quan điểm về NL của CT 2018 là căn cứ mới nhất cho việc xây dựng cấu trúc NL. Chúng tôi dựa trên cách định nghĩa về NL của CT 2018 và xây dựng một số thành tố từ phân định nghĩa đó. Đồng thời, giữa hai quan điểm tiếp cận cấu trúc NL cụ thể nêu trên, chúng tôi cho rằng cách thức **tiếp cận NL theo NL bộ phận** giúp nhà giáo dục thấy rõ bản chất của NL, có thể phân xuất thành các NL bộ phận nhằm hình thành và phát triển NL một cách hiệu quả trong dạy học lần đánh giá. Đây là cách thức tiếp cận phù hợp đối với việc xây dựng cấu trúc NL viết VBNL bởi lẽ chúng thể hiện rõ các thành phần cấu tạo nên NL viết VBNL và cho thấy các chỉ số hành vi – điều mà nhà giáo dục có thể tác động đến để thay đổi khả năng thể hiện của HS. Chúng tôi dựa trên quan điểm tiếp cận NL theo NL bộ phận để xây dựng cấu trúc NL viết VBNL và mô tả các thành tố chi tiết bên trong theo định hướng NL của CT 2018.

2.2.2. Nhận thức về các nhân tố trong hoạt động viết tạo nên cấu trúc năng lực viết

Hoạt động viết là một hoạt động phức tạp, là hình thức giao tiếp trực quan, cung cấp thông tin qua phương tiện ngôn ngữ. Hoạt động viết đòi hỏi khả năng tư duy và sử dụng ngôn ngữ của con người. Thông qua đó, người viết vận dụng khả năng tư duy để suy ngẫm và trình bày một vấn đề nhất định đến người đọc, người nghe. Hoạt động viết tích hợp các hoạt động tư duy như tìm kiếm, sắp xếp, phân tích ý tưởng; tổ chức câu và sử dụng từ ngữ phù hợp. Trong hoạt động dạy học ngôn ngữ liên quan đến việc viết bằng ngôn ngữ đầu tiên (L1), Fix (2006) cho rằng so với kỹ năng viết bằng ngôn ngữ thứ 2, thì kỹ năng viết bằng ngôn ngữ đầu tiên thể hiện hoạt động viết cơ bản, gồm bốn thành tố:

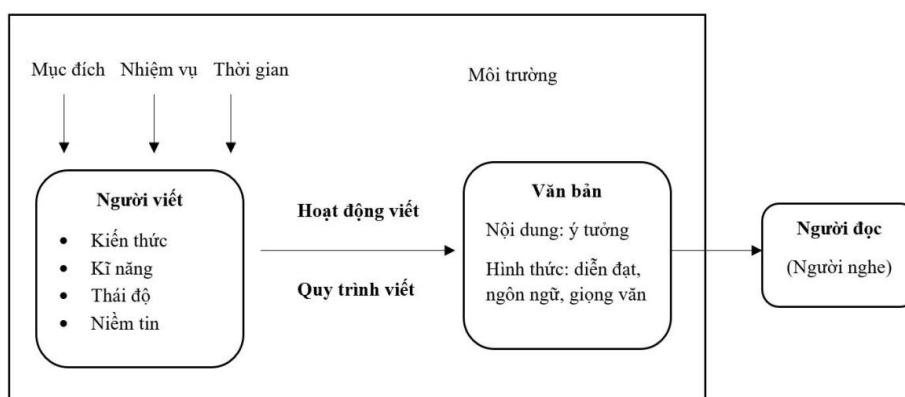
- Các kỹ năng dựa trên sự hiểu biết về chủ đề, kiểu văn bản và cách sử dụng ngôn ngữ
- Các kỹ năng dựa trên phương pháp luận về cho phép người viết sắp xếp quy trình của họ
- Các kỹ năng xã hội cho phép người viết dự đoán đối tượng đọc của họ và viết văn bản dựa trên người đọc
- Các kỹ năng cá nhân như kỹ năng tự chủ, tự điều chỉnh bản thân của người viết. (Fix, Martin, 2006, p.23).

Từ đây, Fix phân giải kỹ năng viết theo đặc điểm của hoạt động viết là hoạt động giao tiếp. Tác giả phân giải nó thành các kỹ năng bộ phận chịu ảnh hưởng: *tri thức liên quan đến chủ đề, kiểu văn bản, ngữ pháp, quy trình viết, đối tượng đọc/ kỹ năng viết của bản thân*. Cách phân giải cấu trúc này có nét tương đồng với cách tiếp cận của Nguyễn Lan Phương (2015) khi bàn về cấu trúc NL chung. Điều này cho thấy kỹ năng viết có thể được tạo thành từ nhiều kỹ năng bộ phận khác.

Trong một số Chương trình tiếng Anh của một số nước (New Zealand, Australia, Singapore...), NL tạo lập văn bản (bao gồm NL viết) theo chuẩn năng lực được nhìn nhận trên 2 phương diện: nội dung văn bản và kĩ năng tạo lập văn bản, với bốn chỉ số: Mục đích và đối tượng của văn bản; Ý tưởng thể hiện trong văn bản; Các đặc trưng ngôn ngữ của văn bản; Cấu trúc và hình thức văn bản. (Phan, 2017, p.207).

Một số nhà nghiên cứu giáo dục Việt Nam cho rằng: “Năng lực viết (tạo lập văn bản) của HS trung học, các tồn tại thể hiện trên cả hai phương diện: viết chữ (chính tả, ngữ pháp) và viết văn bản (lập ý, diễn đạt)” (Do, 2020, p.28); “NL viết gồm các thành tố chủ yếu là kiến thức, kĩ năng và thái độ của người học để tạo nên một văn bản viết.” (Phan, 2017, p.207).

Có thể thấy, mỗi chương trình, mỗi nhà nghiên cứu nhìn nhận cấu trúc NL viết ở những góc độ khác nhau. Tựu trung, có các đối tượng cần phân tích rõ như: *người viết, văn bản và các nhân tố ngoài cá nhân ảnh hưởng trong hoạt động viết (mục đích giao tiếp, môi trường, nhiệm vụ thực hiện, quy trình viết, thời gian, đối tượng tiếp nhận)*. Dưới đây là sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động viết (nhìn từ góc độ hoạt động giao tiếp) (xem Sơ đồ 1):

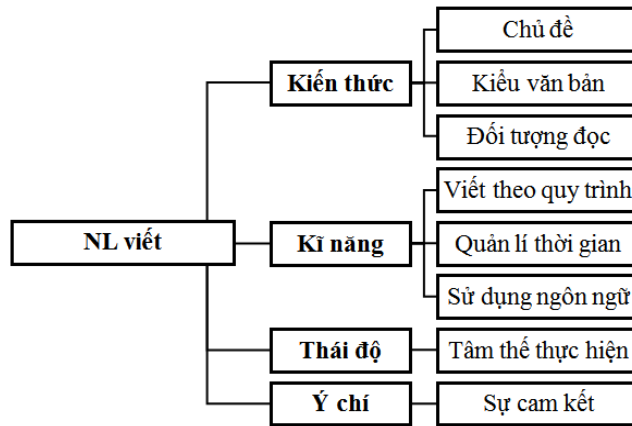


Sơ đồ 1. Hoạt động viết dưới sự ảnh hưởng của các nhân tố liên quan

Ở khía cạnh người viết, ba thành tố *kiến thức, kĩ năng, thái độ* là ba hợp phần nòng cốt góp phần hình thành nên NL viết. Ngoài ra, thành tố bên trong người viết như *niềm tin* có ảnh hưởng đến sự hoàn thành trong hoạt động viết của người học. Trong quá trình viết, thành tố *niềm tin* được **chuyển hóa thành** thành tố *ý chí* (điều này được chúng tôi đưa vào cấu trúc NL viết bên dưới), bởi lẽ trong hoạt động đánh giá NL viết văn, cần đánh giá người học qua các biểu hiện cụ thể. Từ *niềm tin*, người viết thể hiện ra sự cam kết bên ngoài thông qua *ý chí*: sự tập trung cao độ, hành động nghiêm túc khi làm bài. Khi đó, thành tố *ý chí* sẽ mang tính cụ thể trong hoạt động tạo lập văn bản.

Trong hoạt động viết, ngoài các thành tố hợp phần thành năng lực viết của người viết, các nhân tố bên ngoài như *mục đích, nhiệm vụ viết, thời gian viết, môi trường* sẽ ảnh hưởng nên người viết cần phải tư duy và có khả năng viết theo quy trình khoa học để đảm bảo thời gian lẫn chất lượng bài viết. Người viết cần quan tâm đến ý tưởng biểu đạt và sử dụng ngôn ngữ nhằm tạo ra một sản phẩm viết hoàn chỉnh về nội dung và hình thức. Sự

hiểu biết của người viết về mục đích giao tiếp, đối tượng giao tiếp và sản phẩm giao tiếp giúp cho hoạt động viết được hiệu quả. Từ việc phân tích các nhân tố tác động đến nhau trong hoạt động viết, cấu trúc NL viết của người học được xác định như sau (xem Sơ đồ 2):



Sơ đồ 2. Cấu trúc năng lực viết

2.2.3. Nhận thức về các thành tố và đặc trưng của kiểu văn bản nghị luận

a) Nhận thức về các thành tố của văn bản nghị luận

Xét về mặt cơ học, văn bản nghị luận là một văn bản (text) được đan bện bởi những từ ngữ, thể hiện sự thống nhất giữa các yếu tố bên trong (nội dung, ý tưởng) và các yếu tố bên ngoài (hình thức). Ngoài những đặc điểm của văn bản nói chung, văn bản nghị luận có những đặc điểm riêng nhằm đảm bảo mục đích thuyết phục của nó. Những thành tố đặc trưng của văn bản nghị luận gồm có: luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, phép lập luận. HS THPT đã được tiếp xúc và rèn luyện cơ bản các yêu cầu về những thành tố này của VBNL.

Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm chính trong bài văn nghị luận; luận điểm được trình bày tường minh, chứa nội dung chủ đề. Nếu thiếu đi luận điểm, bài văn nghị luận sẽ mất đi tính thuyết phục và chặt chẽ trong hình thức lẫn ý tưởng.

Lí lẽ, bằng chứng (được gọi là *luận cứ*) là những cơ sở, căn cứ bổ sung, làm sáng tỏ nội dung của luận điểm.

Phép lập luận (được gọi là *luận chứng*) là cách thức liên kết giữa các luận cứ với luận điểm; giữa luận điểm với luận điểm trong bài văn nhằm đạt đến sự nhất quán, chặt chẽ trong việc dẫn dắt và truyền tải vấn đề.

Ngoài ra, để lập luận một cách nhất quán và tăng sức thuyết phục, người viết cần thực hiện phối hợp các thao tác lập luận như: giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận. Những thao tác lập luận này giúp người viết dễ dàng bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình, tạo tiền đề để đánh giá vấn đề bàn luận một cách liền mạch và thống nhất.

b) Nhận thức về đặc trưng kiểu văn bản nghị luận

Từ những thành tố trên, chúng tôi căn cứ trên ba phương diện: mục đích, phương thức và nội dung gắn với CTNV 2018 để xác định những đặc trưng của văn bản nghị luận:

Thứ nhất, văn bản nghị luận có tính thuyết phục (gắn với mục đích giao tiếp)

Đây là đặc trưng đầu tiên khi nhắc đến VBNL bởi đặc trưng này xuất phát từ chính động cơ, mục đích của người viết. Khi viết VBNL, điều người viết cần quan tâm chính là hiệu quả tác động của bài viết đến đối tượng đọc. Từ đây, với ý chí chủ quan của mình, tác giả cần phối hợp các thao tác lập luận đã học, căn cứ vào thực tiễn cuộc sống để nêu ý kiến, bàn luận hoặc đề xuất quan điểm về một vấn đề nào đó. Người viết dùng lập luận logic của mình để xâu chuỗi các thành tố theo một trình tự thuyết phục và logic. Các đoạn văn liên kết nhau tạo thành một bài văn hoàn chỉnh và mạch lạc.

Thứ hai, văn bản nghị luận có tính logic, chặt chẽ (gắn với phương thức giao tiếp)

VBNL cần đảm bảo tính logic, chặt chẽ từ hình thức đến nội dung. Nếu như các ý tưởng kết nối với nhau tạo thành một mạch nội dung mang tính thuyết phục thì hình thức câu văn, sự liên kết giữa các đoạn văn lại tạo nên một trật tự cấu trúc chặt chẽ. Người viết cần xác định rõ quan điểm, lập trường của mình và lựa chọn cách thức tổ chức lập luận phù hợp. Ngoài ra, người viết có thể sử dụng các cấu trúc câu, từ nối ở các câu, các đoạn của văn bản nhằm tăng tính hợp lí trong nội dung lẫn tính logic trong kết cấu của VBNL.

Thứ ba, văn bản nghị luận có nội dung tường minh, sâu sắc (gắn với nội dung giao tiếp)

Nội dung của VBNL cần được thể hiện rõ ràng, cụ thể trong phạm vi đời sống xã hội hoặc đời sống nghệ thuật. Một VBNL hấp dẫn cần truyền tải được nội dung tường minh, sâu sắc đến nhận thức của người đọc (người nghe). VBNL ấy buộc họ quan tâm, tìm hiểu, làm thay đổi cách nhìn, cách nghĩ của họ về vấn đề được nêu trong văn bản. Thông qua VBNL, người viết thể hiện được tư tưởng, tầm nhìn của mình về đời sống xung quanh, khẳng định được tiếng nói cá nhân, tri thức và tâm huyết của mình một cách rõ ràng và nhất quán.

Thứ tư, văn bản nghị luận có tính vấn đề (gắn với nội dung giao tiếp)

Trong VBNL, vấn đề được bàn luận trong VBNL đa dạng, không nhất thiết mang tính chất nhị nguyên đúng – sai, xấu – tốt mà có thể đa chiều, phù hợp hoặc không phù hợp khi người viết đứng ở góc độ nào đó. Đối chiếu với quan điểm xây dựng CT Ngữ văn 2018, giá trị vấn đề trong VBNL có thể “phản ánh được thành tựu về tư tưởng, văn học; văn hóa dân tộc; tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu chân thiện mỹ, tình yêu thiên nhiên, tinh thần hội nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại.” (Ministry of Education and Training, 2018, p.16)

Những đặc trưng trên của VBNL thể hiện điểm riêng biệt của loại văn bản này so với những loại văn bản khác trong đời sống. Khi tạo lập VBNL hoàn chỉnh, người viết cần quan tâm đến: mục đích cốt yếu của văn bản, đối tượng người đọc, hình thức trình bày, vấn đề nghị luận, ngôn ngữ truyền đạt và quan điểm, lí lẽ, bằng chứng xác thực.

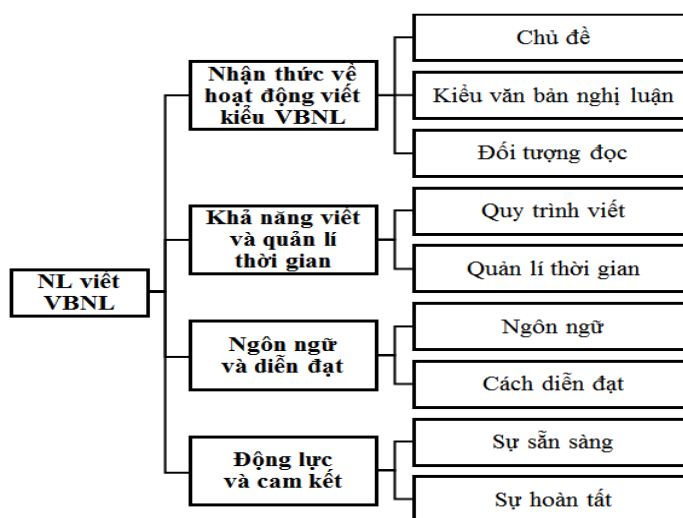
2.3. Cấu trúc năng lực viết văn bản nghị luận

Cấu trúc của NL viết văn bản nghị luận được xây dựng trên nền tảng cấu trúc của NL viết. Các hợp phần của NL viết như kiến thức, kỹ năng, thái độ, ý chí được cụ thể hóa và thay đổi theo đặc trưng kiểu VBNL nhằm phù hợp khi xây dựng cấu trúc NL viết VBNL (xem Bảng 1).

Bảng 1. Các hợp phần của NL viết được chuyển hóa thành các hợp phần NL viết VBNL

NL hợp phần của NL viết	NL hợp phần của NL viết VBNL
Kiến thức	Nhận thức về hoạt động viết kiểu VBNL
Kỹ năng	Khả năng viết VBNL
	Quản lý thời gian
	Ngôn ngữ và diễn đạt
Thái độ và Ý chí	Động lực
	Cam kết

Bên cạnh đó, các thành tố trong cấu trúc NL viết sẽ được chuyển hóa cụ thể và chuyên biệt thành các thành tố của NL viết VBNL. Cấu trúc NL viết VBNL được phân tích như sau (xem Sơ đồ 3):



Sơ đồ 3. Cấu trúc năng lực viết VBNL

Các thành tố của NL viết VBNL trên đây được mô tả và phân tích từ các hợp phần của NL viết VBNL. Việc mô tả này góp phần làm rõ nội hàm bên trong các hợp phần NL viết VBNL và xác định được các thành tố, các chỉ số hành vi sẽ dùng trong đánh giá NL viết VBNL (xem Bảng 2).

Bảng 2. Các hợp phần NL của NL viết văn bản nghị luận

Các hợp phần NL viết VBNL	Mô tả
Nhận thức về hoạt động viết kiểu VBNL	HS phát triển khả năng nhận thức về hoạt động viết nói chung và hoạt động viết VBNL: biết xác định chủ đề nghị luận, người đọc/nghe, trình bày và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng; vận dụng lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ luận điểm; tổ chức bài viết theo bố cục hợp lí; liên kết các đoạn văn; tạo tính thuyết phục bằng cách vận dụng các thao tác lập luận. Qua đó, HS thể hiện ý kiến mới mẻ, thời sự trong một bài văn nghị luận.
Khả năng viết và quản lí thời gian	HS thể hiện khả năng viết theo quy trình ba giai đoạn: trước khi viết – trong khi viết – sau khi viết. Khi viết, thời gian có thể tác động đến tâm lí lẫn khả năng thực hiện; HS biết cách phối hợp các thao tác để hoàn thành bài viết trong thời gian nhất định.
Ngôn ngữ và cách diễn đạt	HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp, chuẩn mực đối với đối tượng giao tiếp; không mắc lỗi chính tả; sử dụng cấu trúc câu chính xác và diễn đạt trong sáng; dấu câu được sử dụng đúng với chức năng ngữ pháp.
Động lực và cam kết	HS thể hiện sự chủ động thực hiện nhiệm vụ viết, xem hoạt động viết văn bản nghị luận là cơ hội để trình bày ý tưởng và thuyết phục người đọc. HS thể hiện sự nỗ lực hoàn thành bài viết trọn vẹn.

Nhằm cụ thể hóa và đo lường các thành tố này trong đánh giá NL viết, chúng tôi phân tích những hợp phần NL viết VBNL các thành tố và những chỉ số hành vi biểu hiện NL viết VBNL của HS (xem Bảng 3):

Bảng 3. Bảng phân tích các hợp phần của NL viết VBNL thành các chỉ số hành vi

Các hợp phần của NL viết VBNL	Thành tố	Chỉ số hành vi
Nhận thức về hoạt động viết VBNL	Chủ đề	Xác định được vấn đề bàn luận Thể hiện được tính thuyết phục trong bài viết (<i>mục đích</i>) Đưa ra ý kiến, tư tưởng và đặt vấn đề mới mẻ, mang tính thời sự (<i>các thành tố đặc trưng</i>)
	Kiểu văn bản	Đưa ra được các luận điểm, luận cứ phù hợp; luận chứng logic (<i>các thành tố đặc trưng</i>) Vận dụng được các thao tác lập luận (<i>các thành tố đặc trưng</i>) Tổ chức được bài viết rõ ràng, đảm bảo bố cục (<i>hình thức</i>)
	Đối tượng đọc	Xác định được đối tượng đọc
Khả năng viết và quản lí thời gian	Quy trình viết	Tuân thủ theo quy trình: <i>Trước khi viết (tìm ý và lập dàn ý) – Trong khi viết (viết) – Sau khi viết (điều chỉnh)</i>
	Quản lí thời gian	Biết cách phân bổ thời gian thực hiện
Ngôn ngữ và cách diễn đạt	Ngôn ngữ	Sử dụng từ vựng đúng chính tả, vốn từ đa dạng
	Cách diễn đạt	Sử dụng kiểu câu đúng ngữ pháp, đa dạng Các câu liên kết với nhau mạch lạc, trôi chảy Sử dụng dấu câu hợp lí, đúng chức năng ngữ pháp
Động lực và cam kết	Sự sẵn sàng	Thể hiện sự chủ động, tự tin khi tham gia viết
	Sự hoàn tất	Thể hiện sự nỗ lực hoàn thành bài viết

2.4. Ý nghĩa của cấu trúc NL viết VBNL trong hoạt động dạy học và đánh giá

Trong các NL bộ phận của môn Ngữ văn, NL viết là NL cần được xác định cấu trúc bởi sự ảnh hưởng sâu rộng và tích hợp của nó trong CT. Nếu xác định được cấu trúc NL viết, có thể xác định đến NL viết cụ thể ở từng kiểu loại văn bản bằng cách chuyển các hợp phần NL viết khái quát thành các hợp phần NL viết đặc trưng theo kiểu loại VB. Việc xây dựng cấu trúc NL viết VBNL góp phần minh họa cho việc xây dựng cấu trúc NL viết của một kiểu loại văn bản nhất định. Cách thức này có thể vận dụng ở những loại văn bản khác.

Ngoài ra, khi xác lập được cấu trúc NL viết VBNL, ta thấy được bề sâu của NL viết VBNL được hợp thành từ các NL hợp phần. Từ đây, các NL hợp phần được mô tả để xác định các thành tố và các chỉ số hành vi. Các chỉ số hành vi này chính là những biểu hiện cụ thể về năng lực viết VBNL của HS. Thông qua những chỉ số này, việc đánh giá NL viết VBNL được thực hiện dễ dàng và thuận tiện; có thể thiết kế được các công cụ đánh giá NL viết VBNL như tiêu chí, bảng rubric đánh giá.

Bên cạnh đó, việc xây dựng cấu trúc NL viết VBNL còn giúp hoạt động giảng dạy viết VBNL ở cấp THPT trở nên hiệu quả nhờ có sự tác động phù hợp và khoa học vào khả năng biểu hiện của HS. Giáo viên có thể nâng dần các mức độ của nhiệm vụ viết VBNL dựa theo các chỉ số hành vi đã được phân xuất từ cấu trúc NL viết VBNL nhằm phù hợp với khả năng viết của HS độ tuổi này.

Dựa vào cấu trúc của NL viết VBNL, giáo viên có thể xác định Chuẩn thực hiện cần đạt dành riêng cho loại VBNL trong hoạt động tạo lập văn bản. Tựu trung, việc xây dựng cấu trúc NL viết VBNL mang lại những lợi ích cần thiết trong hoạt động dạy học lẫn đánh giá ở cấp THPT.

3. Kết luận

Đối với CTNV 2018, việc phát triển tiếp tục khả năng viết VBNL của HS THPT là nhiệm vụ cần thiết. Chúng tôi đề xuất cấu trúc NL viết VBNL nhằm tạo điều kiện cho hoạt động dạy học và đánh giá NL đặc thù này diễn ra thuận lợi hơn ở HS bậc THPT. Cấu trúc NL viết VBNL được hình thành dựa trên quan điểm tiếp cận NL theo NL bộ phận và có sự kết hợp giữa cấu trúc NL viết và đặc trưng của kiểu VBNL. Khi xác lập được khung cấu trúc NL viết VBNL, chúng tôi tiến hành mô tả và phân tích các NL hợp phần để thấy được các thành tố và các chỉ số hành vi biểu thị khả năng thể hiện của HS THPT. Đây là hai yếu tố quan trọng giúp giáo viên thực hiện hoạt động đánh giá NL viết VBNL một cách khoa học và thuận lợi. Việc đề xuất cấu trúc NL viết VBNL là cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo liên quan đến hoạt động đánh giá NL viết VBNL theo định hướng của CTNV 2018.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Board of Studies New South Wales (2007). *English K6 syllabus*. Retrieved from http://k6.boardofstudies.nsw.edu.au/files/english/k6_english_syl.pdf
- Council of Chief State School Officers and the National Governors Association (2010). *Common core State Standards for English Arts and Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subjects*. Retrieved from <http://www.corestandards.org/the-standards>.
- Do, N. T. (2020). *Day doc va viet o truong pho thong [Teaching reading and writing in high school]*. *Reading and Writing Journal (Autumn Volume)*. Hanoi: Writers Association Publishing House.
- Fix, M. (2006). *Texte schreiben. Schreibprozesse im Deutschunterricht*. Paderborn etc.: Schöningh House.
- Hoang, H. B. (2015). Nang luc va danh gia theo nang luc [Competence and competence-based assessment]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 6(2015), 21-32.
- Ministry of Education and Training (2008). *Sach giao khoa Ngu van 7, tap 2 [Literature textbook, volume 2]*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House.
- Ministry of Education and Training (2018). *Chuong trinh giao duc pho thong tong the [General curriculum for general education levels]*. Retrieved from <http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-duoc-phe-duyet/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-tong-the-4728.html>
- Ministry of Education and Training (2018). *Chuong trinh giao duc pho thong mon Ngu van [General education curriculum in Language Arts and Literature]*. Retrieved from <http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/chuong-trinh-mon-ngu-van-4729.html>
- Nguyen, L. P. (2015). *Danh gia nang luc nguoi hoc [Assessing the learner's competence]*. Scientific Report at Center for General Education Research, Vietnam Institute of Education Science, January 2015.
- Nguyen, T. N. B. (2017). Rubric danh gia ki nang lap luan thong qua bai van nghi luan [Rubric for Assessing the Argumentative Skills through Argumentative Essay]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 14(10), 150-151.
- Phan, T. H. X. (2017). Mot huong thiet ke bai hoc Ngu van trong sach giao khoa nham phat trien NL viet cua hoc sinh trung hoc co so [One direction to design Literature lesson in textbook toward develop middle school students' writing competence]. *Journal of Education*, Special volume (4/2017), 207-231.

**DESCRIPTION AND STRUCTURE OF WRITING COMPETENCE
FOR ARGUMENTATIVE ESSAYS FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN LINE
WITH VIETNAMESE LANGUAGE ARTS AND LITERATURE CURRICULUM 2018**

Nguyen Ngoc Minh Tram

Lawrence S.Ting School, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Ngoc Minh Tram – Email: mintralhp1417@gmail.com

Received: March 09, 2021; Revised: April 07, 2021; Accepted: April 28, 2021

ABSTRACT

The Vietnamese Language Arts and Literature curriculum 2018 defines writing competence as one of the special competences and an argumentative essay as a text that requires students to practice from secondary schools to high schools. In order to guarantee the scientific path of developing writing competence of an argumentative essay as well as reaching the educational targets at high school level, this article suggests writing competence structure of an argumentative essay of high school students regarding the orientation of Vietnamese Language Arts and Literature curriculum 2018. Based on the perspective of approaching writing competence structure in terms of partial competence and the orientation of writing an argumentative essay in high schools from The Vietnamese Language Arts and Literature curriculum 2018, the article advocates writing competence structure of an argumentative essay and explains about its constituents and behavioral indicators conveying writing competence of an argumentative essay.

Keywords: argumentative essay; high school students; writing competence; writing competence structure